

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 114/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 07 – 3 – 2024

V/v Ly hôn giữa
chị Nvà anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2023/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2001, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ E, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số H, tổ D, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1993, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số A, tổ E, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2023 và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2018 chị và anh Nguyễn Văn S đồng ý kết hôn, năm 2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã B, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 31/01/2020. Vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó đi tỉnh Bình Dương ở nhà trọ làm công nhân đến tháng 6 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do anh S gia trưởng, không quan tâm vợ con, tiền làm được anh S giữ và mỗi lần chị muốn sử dụng tiền thì anh S cản nhắc, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần chị góp ý anh S vẫn không thay đổi tính gia trưởng. Chị bỏ ra ở riêng nhà trọ khác, từ tháng 9 năm 2023 đến nay vợ chồng ly thân, vài lần anh S đến năn nỉ chị trở lại sống chung nhưng chị không đồng ý. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh S.

- Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/6/2019, cháu Q đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tại Bản tự khai ngày 15/02/2024 của anh Nguyễn Thanh S (là bị đơn) trình bày:*

Anh thống nhất như trình bày trên của chị N, nhưng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, ngày càng cãi vã gay gắt, vợ chồng đang ở nhà trọ làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, chị N bỏ ra ở riêng và từ tháng 9 năm 2023 đến nay vợ chồng ly thân, nhiều lần anh năn nỉ chị N trở lại sống chung nhưng chị không đồng ý. Nay, chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Anh đồng ý giao con chung Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/6/2019 cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, nên anh không cấp dưỡng.

Ngày 15/02/2024 anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N và anh S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh S.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, anh chị mâu thuẫn và ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, anh S có hàn gắn nhưng chị N không đồng ý trở lại sống chung và cương quyết ly hôn, khi chị N khởi kiện ly hôn thì anh S đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho ly hôn giữa chị N và anh S.

[2.2] Nuôi con chung: chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phú Q, anh S đồng ý giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh S trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh S.

2. Nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 05/6/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại chị N đang nuôi cháu Q. Chị N không yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con, nên anh S không phải cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh S không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh S trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006441 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã Bình Thạnh Đông, H.P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương